

BÁO CÁO THỰC HIỆN TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2019

Đơn vị báo cáo: Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Trình độ, chuyên ngành, hình thức đào tạo	Số tốt nghiệp	Số trúng tuyển	Số nhập học	Số chỉ tiêu
I	Tiến sĩ				
1	Khoa học y sinh (Giải phẫu người)				
2	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh và pháp y)				
3	Khoa học y sinh (Hóa sinh y học)				
4	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)	1			
5	Hồi sức cấp cứu và chống độc	2	1	1	1
6	Ngoại khoa (Ngoại lồng ngực)	1	2	2	2
7	Ngoại khoa (Ngoại tiêu hóa)	3	4	4	4
8	Ngoại khoa (Ngoại thận và tiết niệu)	2	2	1	2
9	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh - sọ não)		1	1	1
10	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình và tạo hình)				
11	Sân phụ khoa	1	2	2	2
12	Nhi khoa	5	1	1	1
13	Nội khoa (Nội tim mạch)	5	5	5	5
14	Nội khoa (Nội tiêu hóa)				
15	Nội khoa (Nội hô hấp)	1			
16	Nội khoa (Nội thận - tiết niệu)	2	1	1	1
17	Nội khoa (thần kinh)		1	1	1
18	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)	2			
19	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	1	1	1	1
20	Tai - Mũi - Họng	3	1	1	1
21	Nhãn khoa	1			
22	Y học cổ truyền				
23	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	1			
24	Hóa dược	1	2	2	2
25	Dược lý và dược lâm sàng		2	2	2
26	Dược liệu - Dược học cổ truyền	2			
27	Răng - Hàm - Mặt	3	4	4	4
28	Dịch tễ học	3			
29	Gây mê hồi sức	1			
30	Kỹ thuật Xét nghiệm y học		1	1	1
31	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất		1	1	1
32	Y tế công cộng		2	1	2
	Tổng	41	34	32	34
II	Thạc sĩ				
1	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Lao)	3	1	1	1
2	Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới (Truyền nhiễm)	7	3	3	3
3	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	32	27	25	27
4	Điện quang và y học hạt nhân (Chẩn đoán hình ảnh)		20	18	20
5	Điều dưỡng	30	30	30	30
6	Dược liệu - Dược học cổ truyền	11	18	15	18
7	Dược lý và dược lâm sàng	46	54	53	54
8	Gây mê hồi sức	6	10	10	10
9	Khoa học y sinh (Giải phẫu bệnh)	6	15	15	15
10	Khoa học y sinh (Giải phẫu học)	2			
11	Khoa học y sinh (Hóa sinh)		1	1	1
12	Khoa học y sinh (Ký sinh trùng y học)		1	1	1
13	Khoa học y sinh (Mô phôi)		2	2	2
14	Khoa học y sinh (Sinh lý học)		2	2	2
15	Khoa học y sinh (Vi sinh y học)	3	1	1	1
16	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	14	23	22	23

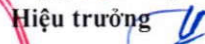
17	Kỹ thuật phục hồi chức năng		14	14	14
18	Kỹ thuật xét nghiệm y học	26	35	34	35
19	Ngoại khoa	15	16	16	16
20	Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình)	13	16	16	16
21	Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực)	8	14	14	14
22	Ngoại khoa (Ngoại - Nhi)	4	5	5	5
23	Ngoại khoa (Ngoại - Niệu)	8	9	9	9
24	Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và Sọ não)	4	10	10	10
25	Nhân khoa	9	10	10	10
26	Nhi khoa	16	10	10	10
27	Nội khoa	32	31	29	31
28	Nội khoa (Da liễu)	15	20	20	20
29	Nội khoa (Hồi sức cấp cứu)	8			
30	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)		9	9	9
31	Nội khoa (Lão khoa)	8	21	18	21
32	Nội khoa (Nội tiết)		6	6	6
33	Nội khoa (Tâm thần)	4	5	5	5
34	Nội khoa (Thần kinh)	8	5	5	5
35	Răng-Hàm-Mặt	20	27	26	27
36	Sản phụ khoa	20	20	20	20
37	Tai-Mũi-Họng	11	30	28	30
38	Tổ chức quản lý dược		24	24	24
39	Ung thư	7	15	15	15
40	Y học cổ truyền	12	26	24	26
41	Y học dự phòng		16	16	16
42	Y tế công cộng	34	18	18	18
	Tổng	442	620	600	620
III Chuyên khoa 2					
1	Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm)	1	2	2	2
2	Chẩn đoán hình ảnh (X Quang)	3	6	6	6
3	Chấn thương chỉnh hình		10	10	10
4	Da liễu	3			
5	Gây mê hồi sức	14	13	13	13
6	Giải phẫu bệnh				
7	Hoá sinh y học	1			
8	Hồi sức cấp cứu		5	5	5
9	Huyết học		6	6	6
10	Lao	1	1	1	1
11	Lão khoa	2	5	5	5
12	Ngoại - Lồng ngực	1	4	4	4
13	Ngoại - Nhi	2			
14	Ngoại - Tiết niệu	2	5	5	5
15	Ngoại khoa	4	12	12	12
16	Ngoại - Thần kinh và sọ não	8	4	3	4
17	Nhân khoa	9	8	8	8
18	Nhi - Hô hấp	1	1	1	1
19	Nhi - Hồi sức		3	3	3
20	Nhi - Huyết học	2			
21	Nhi - Huyết học - Ung thư		6	6	6
22	Nhi - Nội tiết và chuyển hóa		2	2	2
23	Nhi - Sơ sinh		5	5	5
24	Nhi - Tiêu hóa	1	3	3	3
25	Nhi - Tim mạch	1	3	3	3
26	Nhi - Thận	1			
27	Nhi - Thần kinh				
28	Nội - Hô hấp	1	3	3	3
29	Nội - Tim mạch		7	7	7
30	Nội - Thận tiết niệu		1	1	1
31	Nội - Tiêu hóa		4	3	4

ĐẠI
Y D
TP. HỒ C

32	Nội tiết	6	6	6	6
33	Quản lý y tế	1	5	5	5
34	Răng Hàm Mặt	3	4	4	4
35	Sản phụ khoa	15	24	24	24
36	Tai Mũi Họng (Mũi Họng)	5	6	6	6
37	Tai Mũi Họng (Thính học)		2	2	2
38	Tâm thần		1	1	1
39	Thần kinh	3	1	1	1
40	Tổ chức Quản lý dược	12	20	20	20
41	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	2	1	1	1
42	Ung thư	10	11	10	11
43	Y học cổ truyền	4	12	11	12
44	Y học gia đình	1			
	Tổng	120	212	208	212
IV	Chuyên khoa I				
1	Chẩn đoán hình ảnh	73	74	74	74
2	Chẩn thương chỉnh hình	43	52	52	52
3	Da liễu	21	73	72	73
4	Gây mê hồi sức	21	30	30	30
5	Giải phẫu bệnh	11	3	3	3
6	Hóa sinh y học	5	1	1	1
7	Hồi sức cấp cứu	54	50	49	50
8	Huyết học	7	9	9	9
9	Lao	7	7	7	7
10	Lão khoa	11	30	29	30
11	Ký sinh trùng và côn trùng	0	0	0	0
12	Ngoại khoa	22	24	23	24
13	Ngoại - Lồng ngực	6	6	6	6
14	Ngoại nhi	11	9	9	9
15	Ngoại - Thần kinh	14	18	18	18
16	Ngoại - Tiết niệu	9	20	20	20
17	Nhãn khoa	13	27	26	27
18	Nhi khoa	65	100	97	100
19	Nội khoa	51	61	60	61
20	Nội tiết	22	30	30	30
21	Phục hồi chức năng	6	6	6	6
22	Sản phụ khoa	65	68	68	68
23	Tai Mũi Họng	18	20	20	20
24	Tâm thần	5	2	2	2
25	Thần kinh	11	20	20	20
26	Truyền nhiễm	15	12	12	12
27	Vi sinh y học	0	1	1	1
28	Ung thư	22	18	18	18
29	Y học gia đình	3	8	7	8
30	Công nghệ dược phẩm và bào chế	0	0	0	0
31	Dược liệu - Dược học cổ truyền	0	2	2	2
32	Dược lý và dược lâm sàng	29	18	18	18
33	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	0	1	0	1
34	Tổ chức quản lý dược	17	49	49	49
35	Răng Hàm Mặt	51	71	68	71
36	Y học cổ truyền	21	34	34	34
37	Y học dự phòng	0	0	0	0
38	Y tế công cộng	2	0	0	0
39	Dinh dưỡng	0	7	7	7
40	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	0	12	12	12
41	Chăm sóc giảm nhẹ	0	5	5	5
	Tổng	731	978	964	978
V	Bác sỹ Nội trú				
1	Chẩn đoán hình ảnh	10	7	7	7

2	Chấn thương chỉnh hình	5	7	7	7
3	Da liễu	6	4	4	4
4	Gây mê hồi sức	6	7	7	7
5	Giải phẫu bệnh	2	5	5	5
6	Hồi sức cấp cứu	1	4	4	4
7	Huyết học - Truyền máu	5	7	7	7
8	Lao	1	1	0	1
9	Lão khoa	6	7	7	7
10	Ngoại khoa	5	10	10	10
11	Ngoại - Lồng ngực	7	7	6	7
12	Ngoại - Nhi	4	6	6	6
13	Ngoại - Thần kinh và Sọ não	3	6	6	6
14	Ngoại - Tiết niệu	4	3	3	3
15	Nhân khoa	3	4	4	4
16	Nhi khoa	9	10	10	10
17	Nội khoa	5	8	8	8
18	Nội tiết	4	4	4	4
19	Phục hồi chức năng	2	5	5	5
20	Sản phụ khoa	5	6	6	6
21	Tai Mũi Họng	5	7	7	7
22	Tâm thần	1	3	3	3
23	Thần kinh	5	8	8	8
24	Truyền nhiễm	4	4	4	4
25	Ung thư	3	4	4	4
26	Răng Hàm Mặt	8	7	7	7
27	Y học cổ truyền	7	7	7	7
	Tổng	126	158	156	158

Người lập bảng
Họ tên: Huỳnh Trung Quốc Hiếu
Chữ ký: 
Điện thoại: 0973555567
Email: quochieu@ump.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2020
Hiệu trưởng 

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

Ghi chú: Ghi rõ số chỉ tiêu cho từng chuyên ngành của từng hình thức đào tạo.